TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Ông Hứa Công Nguyên - Thẩm tra viên toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn N, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Đào Huy C, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn N, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
(Tại phiên tòa chị D có mặt, anh Cvắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03/3/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N nguyên đơn Chị Bùi Thị D trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Đào Huy C kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện N vào ngày 23/5/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau cùng nhau tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ckhông chăm lo cho vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bản thân anh Cđi làm ăn và có biểu hiện không chung thủy với chị. Vì vậy chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. chị Dnhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đào Huy C.

Về con chung: **chị D**xác định chị và anh Ccó 02 con chung là các cháu: Đào Thị Ngọc Á, sinh ngày 03/6/2009; cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 02/01/2012. Hiện nay các cháu đang ở với chị D. Nguyện vọng của chị D xin được tiếp tục nuôi cả hai cháu sau khi ly hôn và yêu cầu anh Ccấp dưỡng nuôi con chung là 2000.000 đồng/2 cháu/ 1 tháng. Vì chị D cho rằng anh Cđi làm suốt không quan tâm đến con cái nên chị không yên tâm khi để anh Cnuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Đào Huy C được thể hiện tại bản tự khai ngày 19/5/2020 và thể hiện trong các văn bản tố tụng khác: Anh thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị Dtrình bày là đúng. Anh không rõ lý do vì sao chị Dlại xin ly hôn với anh, tuy nhiên anh xác định vợ chồng anh đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị Dxin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Dcó 02 con chung là các cháu Đào Thị Ngọc Á, sinh ngày 03/6/2009; cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 02/01/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Dinh, nếu ly hôn anh xin được nuôi một cháu, cháu nào cũng được.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của Chị Bùi Thị D. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Theo biên bản xác minh ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã Gi thì chị Dvà anh Ckết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Gi vào năm 2008. Về mâu thuẫn giữa chị Dvà anh Cthì ủy ban chỉ nắm được là do kinh tế và do không hợp nhau. Hiện nay chị Dđã cùng hai con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ cũng tại Thôn N, xã Gi.

Do quá trình giải quyết các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Do anh Cđã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh C và xin được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đầy đủ các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị D. Xử ly hôn giữa Chị Bùi Thị D và Anh Đào Huy C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đào Thị Ngọc Á sinh ngày 03/6/2009 (hiện cháu đang ở với chị Dinh) cho chị Dtiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đào Thị Anh Tươi sinh ngày 02/01/2012(hiện đang ở với chị Dinh) cho anh Ctrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đào Huy C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong hồ sơ có đủ lời khai và ý kiến của anh Công, vì vậy theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Công.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, không cùng thống nhất được quan điểm trong cuộc sống dẫn đến va chạm và mâu thuẫn. Thực tế các bên cũng thừa nhận đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Nguyện vọng của chị Dxin được nuôi cả hai con chung là cháu Đào Thị Ngọc Á, sinh ngày 03/6/2009; cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 02/01/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Dinh. Nguyện vọng của anh Cxin được nuôi 1 cháu, cháu nào cũng được. Hội đồng xét xử thấy: Đối với anh Cvà chị Dđều khỏe mạnh, có thu nhập, qua xác minh tại ủy ban nơi cư trú của cả hai bên thì anh chị đều là công dân chấp hành tốt pháp luật không có biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Mặt khác con chung của anh chị đều đến tuổi đi học và cần sự quan tâm chăm sóc chu đáo của bố mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện sức khỏe thu nhập của cả hai bên đương sự như nhau nên cần giao cho mỗi bên chăm sóc và nuôi dưỡng 1 cháu là phù hợp. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu nên giao cháu Đào Thị Ngọc Á cho anh C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Giao cháu Đào Thị Ánh T cho chị Dtiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D xin nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Tuy nhiên yêu cầu của chị không được chấp nhận mà giao mỗi cháu cho một người trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy không giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Dphải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của Chị Bùi Thị D. Xử ly hôn giữa Chị Bùi Thị D và Anh Đào Huy C.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Thị Ngọc Á sinh ngày 03/6/2009(hiện cháu đang ở với chị D) cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Đào Thị Ánh T ngày 02/01/2012 (hiện đang ở với chị D) cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, ngời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dỡng, giáo dục con thì ngời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ngời đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000456 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Huy C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Gi.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh